TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST
Ngày: 15/01/2020
"Tranh chấp kiện đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Ngọc Điệp
2. Ông Cao Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CA, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2019/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc: "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2020/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa:

1/ Nguyên đơn:
Bà Trần Thị U
Ông Nguyễn Tuấn T
Ông Nguyễn Dương C
Bà Nguyễn Thị Cẩm N
Đại diện theo ủy quyền của ông T, ông C, bà Nlà Bà Trần Thị U(có mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, H.
2/ Bị đơn:
Bà Nguyễn Thị B- sinh năm 1960 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Hậu G.
3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông Bùi Văn B - sinh năm 1948 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Hậu G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Văn D (chồng bà Trần Thị U) có hứa cho cháu Bùi Thị P mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vay tiền nuôi vịt, nhưng ông Bùi Văn B (cha ruột của bà P) là người trực tiếp nhận giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 000151 của cho ông D được Ủy ban nhân dân huyện Ccũ cấp ngày 06/5/1995, ông B mượn giấy để cầm cho bà Nguyễn Thị Btại ấp 2A, xã Tân Hòa, huyện CA, tỉnh Hậu Giang để vay tiền. Và khi cầm giấy không có hứa hẹn khi nào trả lại cho ông D, sự việc xảy ra cũng gần 15 năm, ông D nhiều lần gặp ông B để yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông B hứa và cam kết nhiều lần nhưng đến nay không thực hiện. Đến năm 2012, ông D chết nên các nguyên đơn khởi kiện ông B yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, hiện nay được biết bà Nguyễn Thị B đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên các nguyên đơn khoeir kiện yêu cầu bà Bích phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000151 được Ủy ban nhân dân huyện C(cũ) cấp ngày 06/5/1995 cấp cho ông Nguyễn Văn D.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Btrình bày:

Bà thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của ông Nguyễn Văn D số 000151 được Ủy ban nhân dân huyện Ccũ cấp ngày 06/5/1995.

Với lý do vào năm 2003 bà có cho ông Bùi Văn B vay 5.000.000đồng và ông B đưa cho bà chiếc xe honda của ông B, sau đó do không có phương tiện đi lại nên ông B lấy giấy chứng nhận của ông D cầm cho bà Bích và lấy xe honda lại, nên bà Bích giữ giấy ông D từ đó đến nay.

Bà có yêu cầu ông B trả tiền lại cho bà số tiền trên và số tiền lãi tổng cộng là 20.000.000đồng từ khi vay đến nay nhưng không đồng ý làm đơn yêu cầu độc lập và không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí, yêu cầu ông B phải trả cho bà tất cả số tiền trên bằng tiền mặt là 20.000.000đồng và trả 01 lần.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà U và các con ông D về việc yêu cầu bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D, khi nào ông B trả hết số tiền trên cho bà thì bà mới đồng ý trả cho bà U giấy chứng nhận số số 000151 cấp cho ông D được Ủy ban nhân dân huyện Ccũ cấp ngày 06/5/1995. Bà không có tranh chấp gì về phần đất nêu trên với bà U, ông D.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Văn B trình bày: Thừa nhận ông có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000151 được Ủy ban nhân dân huyện Ccũ cấp ngày 06/5/1995, ông nhận trực tiếp từ ông Nguyễn Văn D chồng bà U và đưa lại giấy này cho bà Bích, ông cũng đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng nêu trên cho bà U nhưng hiện tại do bà Nguyễn Thị Bđang giữ giấy nên ông không thể trả lại giấy cho bà U được. Lúc đó ông là người mượn giấy của ông D, chứ không phải con gái ông kêu mượn, do lúc đó ông cũng đang nuôi vịt nên thiếu tiền mua thức ăn cho vịt nên lấy chiếc xe honda cầm cho bà Bích với số tiền 5.000.000đồng vào khoảng năm 1998, sau đó do không có phương tiện đi lại nên ông lấy giấy chứng nhận của ông D thế cho bà Bích và lấy xe ông ra.

Ông không đồng ý trả cho bà Bích 01 lần số tiền trên vì không có điều kiện, đề nghị bà Bích cho bà trả trong vòng 04 tháng ông sẽ trả đủ số tiền 20.000.000 đồng cho bà Bích.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng

pháp luật; các đương sự chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 105, Điều 115, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013; Các Điều 35, 39, 147, 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D bao gồm bà Trần Thị U, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bcó trách nhiệm trả cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D là các đồng nguyên đơn bao gồm bà Trần Thị U, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn D số 000151 được Ủy ban nhân dân huyện C(cũ) cấp ngày 06/5/1995 thửa đất tại ấp Trường Lợi, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là ấp Trường Lợi A, xã Trường Long A, huyện CA, tỉnh Hậu Giang.

Tách yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bvề việc yêu cầu ông Bùi Văn B trả tiền vay để giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí các bên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị U, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ukhởi kiện bà Nguyễn Thị Byêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản*" được Bộ luật dân sự quy định. Vì bị đơn cư trú trên địa bàn huyện CA nên Tòa án nhân dân huyện CA thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà Bùi Thị P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bích, ông B, bà P là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng các nguyên đơn: xét thấy ông D chết ngày 15/12/2012 nên có căn cứ xác định Bà Trần Thị Ulà vợ và các con ông D là Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2019, nguyên đơn khởi kiện đối với ông Bùi Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích. Quá trình giải quyết vụ án bà Bích thừa nhận đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000151, do ủy ban nhân dân huyện Ccấp ngày 06/5/1995 cho ông

Nguyễn Văn D đứng tên chủ sử dụng nên các nguyên đơn có đơn khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Bvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B là đúng theo quy định tại Điều 5, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các nguyên đơn bà Trần Thị U, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N đại diện theo ủy quyền Bà Trần Thị Ucó đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Byêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D chồng bà U. Bà Bích không đồng ý với lý do vào năm khoản 2003 thì ông B có thỏa thuận vay của bà 5.000.000 đồng và cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyên Văn D cho bà khi nào ông B trả đầy đủ vốn và lãi cho bà thì bà mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U và các con ông D.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Bích thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D sử dụng đất số 000151 cấp cho ông D được Ủy ban nhân dân huyện Ccũ cấp ngày 06/5/1995 và không đồng ý trả lại cho bà U và các con ông D.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chứng minh được: Giữa ông Nguyễn Văn D (đã chết) và ông Bùi Văn B có thỏa thuận cho mượn tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000151, do ủy ban nhân dân huyện Ccấp ngày 06/5/1995 cho ông Nguyễn Văn D đứng tên chủ sử dụng. Khi giao kết hợp đồng các bên không có làm giấy tờ, cũng không thỏa thuận về thời gian trả, nhưng quá trình giải quyết tại Tòa án giữa bà U và ông B đều thống nhất ông B có mượn tài sản nêu trên và cũng đồng ý trả lại tài sản cho các nguyên đơn.

Xét thấy việc ông Bùi Văn B vay tiền của bà Nguyễn Thị B và dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Nguyễn Văn D để thế chấp cho bà Bích là có thật, điều này được bà B, ông B thừa nhận trong quá trình giải quyết. Tuy nhiên, người vay tiền của bà Bích là ông B không phải bà U hay ông D, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho ông Nguyễn Văn D, bị đơn bà Bích cũng không có văn bản nào chứng minh là bà U hay ông D là người thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Xét về thỏa thuận cầm cố tài sản của ông B với bà Bích, ông B dùng tài sản không phải tài sản thuộc quyền sở hữu của ông B để thực hiện giao dịch với bà Bích và theo quy định tại Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 thì pháp luật không thừa nhận việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hơn nữa việc ông B dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D để thế chấp cho bà Bích nhưng không có đăng ký giao dịch bảo đảm là không đúng với quy định của pháp luật, nên có căn cứ vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bích và ông B, buộc bà Bích trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U và các đồng thừa kế của ông D là có cơ sở.

[4] Đối với việc bà U đại diện theo ủy quyền của các con ông D yêu cầu bà Bích là người đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000151 cấp cho ông D và bà Bích cho rằng có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông D nhưng không đồng ý trả lại và đề nghị ông B phả trả lại cho bà toàn bộ số tiền vay của bà năm 1998 là 5.000.000 đồng và hiện nay

vốn gốc và lãi là 20.000.000đồng đề nghị buộc ông B trả lại cho bà tổng số tiền này trong 01 lần, ông B thừa nhận có nợ số tiền vốn gốc và lãi tổng cộng là 20.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả 01 lần vì hiện tại ông không có điều kiện trả 01 lần mà yêu cầu được trả 04 lần, yêu cầu này không được bà Bích chấp nhận nên các bên không thỏa thuận được.

Quá trình giải quyết tòa án đã hướng dẫn thủ tục yêu cầu độc lập đối với bà Bích về việc yêu cầu buộc ông B trả lại cho bà số tiền vay trên nhưng bà Bích không thực hiện, tại phiên hòa giải và công khai chứng cứ bà Bích khẳng định cũng không làm đơn, không yêu cầu và không nộp tạm ứng theo quy định nên để bảo đảm quyền lợi của bà Bích, Hội đồng xét xử chưa xem xét và tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các đượng sự có yêu cầu.

Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013 "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất". Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là văn bản chứa đựng quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất là quyền tài sản được quy định tại Điều 115 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà Bích giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đồng thừa kế của ông D nhưng không được sự đồng ý của họ là không đúng, vì đây là chứng thư pháp lý mà ông D được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và cấp cho ông D, nay ông D mất nên những đồng thừa kế của ông D được quyền đòi lại là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 105, Điều 115, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013; Các Điều 35, 39, 147, 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D bao gồm bà Trần Thị U, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bcó trách nhiệm trả cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D là các đồng Nguyên đơn bao gồm bà Trần Thị U, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Dương C, Nguyễn Thị Cẩm N một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn D số 000151 được Ủy ban nhân dân huyện C(cũ) cấp ngày 06/5/1995 thửa đất tại ấp Trường Lợi, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là ấp Trường Lợi A, xã Trường Long A, huyện CA, tỉnh Hậu Giang.

Tách yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bvề việc yêu cầu ông Bùi Văn B trả tiền vay để giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bphải nộp 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho Bà Trần Thị U300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018827 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CA, tỉnh Hậu Giang.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H. CA;
- CC. THA.H CA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thanh Kỉnh